

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HS-ST

Ngày: 20/4/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – toạ phiên toà: Ông Nguyễn Bá L.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn và bà Nguyễn Thị Đào.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng.

Đại diện VKSND khu vực 8 – Lâm Đồng tham gia phiên toà: Ông Phạm Anh Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2026/TLST-HS ngày 01 tháng 04 năm 2026 theo định đưa vụ án ra xét xử số 48/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 04 năm 2026 đối với bị cáo:

Vũ Ngọc H, sinh năm 1979 tại tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở trước khi phạm tội: 929 QL14, khu phố T, phường Đ, tỉnh Đồng Nai; CCCD: 040079008447 cấp ngày 12/02/2025, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Minh L1, sinh năm 1959 (đã chết) và con bà Vũ Thị L2, sinh năm 1959 (đã chết); bị cáo có vợ là Phạm Thị T (đã ly hôn), có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án: 02 tiền án, cụ thể: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 69/2014/HSST ngày 28/5/2014 của Toà án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cũ xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Ngày 08/7/2014 chấp hành xong hình phạt (bị cáo chưa đóng án phí nên chưa được xoá án tích); tại bản án hình sự sơ thẩm số 127/2015/HSST ngày 15/7/2015 của Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương cũ xử phạt 12 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (bị cáo chưa đóng án phí nên chưa được xoá án tích); tiền sự: Không;

Về nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2015/HSST ngày 28/7/2015 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk (cũ) xử phạt 01 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a

khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tổng hợp hình phạt với bản án số 127/2015/HSST ngày 15/7/2015 của TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (cũ), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm tù (bị cáo đã được xoá án tích). Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2015/HSST ngày 30/9/2015 của Toà án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk (cũ) xử phạt 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tổng hợp hình phạt với bản án số 40/2015/HSST ngày 28/7/2015 của TAND thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk (cũ), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 06 năm tù. Bị cáo kháng cáo nên ngày 26/11/2015, TAND tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Ngày 26/5/2020, chấp hành xong hình phạt (bị cáo đã được xoá án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/01/2026 sau đó chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam số 6 (T), thuộc trại tạm giam số 2, Công an tỉnh L - có mặt.

Bị hại: Ông Phạm Mạnh H1, sinh năm 1959; địa chỉ: Số nhà A đường C, phường T, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Đình B, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Lâm Đồng – vắng mặt;

- Bà Lê Thị Kim L3, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – vắng mặt;

- Ông Đỗ Quang H2, sinh năm 1962; địa chỉ: Phường B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt;

- Bà Trần Thị L4, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Lâm Đồng – vắng mặt;

- Ông Nguyễn Khắc N, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn E, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – vắng mặt;

- Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ D, khu phố L, xã T, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 09/01/2011, Vũ Ngọc H đi xe khách biển số 47V-2398 (xe của nhà xe T1, tại TP ., tỉnh Đắk Lắk cũ) đi từ Tp . Hồ Chí Minh về tỉnh Đắk Nông (nay là tỉnh Lâm Đồng). Ngồi ghế bên cạnh có ông Phạm Mạnh H1. Đến khoảng 04 giờ ngày 10/01/2011, khi chuẩn bị xuống xe, thấy ông Phạm Mạnh H1 đang ngủ và có để 01 túi xách màu đen ở dưới chân nên H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc túi xách này. Khi xe dừng ở thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (cũ) (nay là thôn Đ, xã T, tỉnh Lâm Đồng), H lấy túi xách trên rồi xuống

xe đi bộ về rẫy của ông Lê Đình B. Trên đường đi, H mở túi xách kiểm tra thì thấy có 95.000.000 đồng, 04 lượng vàng SJC và 01 máy ảnh nhãn hiệu Canon loại IXUS 70 Digital. H lấy số tài sản trên còn túi xách vứt ở bên đường.

Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, H đến tiệm V1 bán 04 lượng vàng SJC cho bà Lê Thị Kim L3 được 140.000.000 đồng. Sau đó, H đến cửa hàng xe máy Lai H3 (do ông Đỗ Quang H2, sinh năm 1962, trú tại phường B, tỉnh Đắk Lắk cũ làm chủ) tại thôn B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng mua 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo, trị giá 38.700.000 đồng, H trả trước 30.000.000 đồng, nợ lại 8.700.000 đồng. Sau đó, H gặp nói với bà Trần Thị L4 là tiền gia đình cho và nhờ bà L4 giữ hộ 180.000.000 đồng thì bà L4 đồng ý.

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, H đi mua đồ ăn và tổ chức ăn nhậu tại chòi rẫy của ông Lê Đình B. Quá trình ăn nhậu, thấy ông Nguyễn Khắc N lấy máy ảnh trong túi quần của H để xem, lo sợ bị phát hiện nên Hồng điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo về tỉnh Đồng Nai để trốn. Đến ngày 18/01/2011, H bán xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo cho anh Nguyễn Văn O được 20.000.000 đồng, H đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Ngày 05/01/2026, Vũ Ngọc H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L để đầu thú. Tại Cơ quan điều tra, Vũ Ngọc H đã khai nhận toàn bộ hành vi Trộm cắp tài sản của mình.

Tại Kết luận định giá số 05/KL-HĐĐGTS, ngày 20/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND xã T kết luận: 04 lượng vàng SJC thời điểm ngày 10/01/2011 có giá trị là 140.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá số 12/KL-HĐĐGTS, ngày 12/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND xã T kết luận: Máy ảnh nhãn hiệu Canon loại IXUS 70 Digital thời điểm ngày 10/01/2011 có giá trị là 3.000.000 đồng.

Vật chứng đã thu giữ:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo, chưa có biển số (do anh Nguyễn Văn O giao nộp).

+ 01 máy ảnh nhãn hiệu Canon loại IXUS 70 Digital (do ông Nguyễn Khắc N giao nộp).

+ 180.000.000 đồng tiền Ngân hàng N1 (do bà Trần Thị L4 giao nộp).

Bản trạng số 11/CT-VKS ngày 31 tháng 03 năm 2026, của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Vũ Ngọc Hồng về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa, bị cáo H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng truy tố.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng sau khi phân tích tính chất vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Vũ Ngọc H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự) và đề nghị Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX):

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Ngọc H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015) xử phạt bị cáo H từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/01/2026.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

- + Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là Công an tỉnh L) đã trả lại 01 máy ảnh nhãn hiệu Canon loại IXUS 70 Digital và 180.000.000 đồng cho ông Phạm Mạnh H1 là chủ sở hữu hợp pháp.

- + Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo, chưa có biển số, ông Phạm Mạnh H1 đồng ý trả 8.700.000 đồng cho ông Đỗ Quang H2 và nhận lại xe, không yêu cầu bồi thường giá trị tài sản còn thiếu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là Công an tỉnh L) đã trả cho ông Phạm Mạnh H1.

- + Đối với túi xách màu đen của ông Phạm Mạnh H1, sau khi sự việc xảy ra ông Nguyễn Xuân V nhặt được và trả lại cho ông Phạm Mạnh H1, do túi xách có giá trị thấp, ông Phạm Mạnh H1 không yêu cầu định giá tài sản nên không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Phạm Mạnh H1 không yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Mạnh H1 đã trả số tiền 8.700.000 đồng cho ông Đỗ Quang H2 nên ông Đỗ Quang H2 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn O yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo đối với số tiền 20.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn O tại phiên toà.

Tại phiên toà, bị cáo không bào chữa, không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; lời khai của bị cáo; lời

khai của người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc theo bản trạng mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Lâm Đồng đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định: Vào khoảng 04 giờ ngày 10/01/2011, tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là thôn Đ, xã T, tỉnh Lâm Đồng), Vũ Ngọc H có hành vi lén lút trộm cắp của ông Phạm Mạnh H1 95.000.000 đồng, 04 lượng vàng SJC có giá trị là 140.000.000 đồng và 01 máy ảnh nhãn hiệu Canon loại IXUS 70 Digital có giá trị là 3.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà Vũ Ngọc H trộm cắp là 238.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự).

Xét quan điểm buộc tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở pháp lý kết luận bị cáo H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự).

Điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;”

Điều a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;”

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo cũng như nhân thân của bị cáo HĐXX xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức về hành vi trộm cắp tài sản của người khác là phạm pháp. Sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho quá trình điều tra, vụ án đã phải tạm đình chỉ từ năm 2011 cho đến ngày 05/01/2026. Bị cáo đã có 02 tiền án cụ thể, 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”; 01 tiền án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” chưa được xóa án tích; bị cáo đã 02 lần bị kết án mặc dù được xóa án tích, cụ thể: Về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo bản án sơ thẩm số 40/2015/HSST ngày 28/7/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk (cũ) và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” Theo bản án hình sự sơ thẩm số 70/2015/HSST ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk (cũ), bị cáo kháng cáo nên ngày 26/11/2015, TAND tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Thể hiện bản chất coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó, HĐXX phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Do hành vi phạm tội lần này của bị cáo thực hiện trước nhưng xét xử sau thời điểm các bản án đã xét xử nên không tính là tái phạm nguy hiểm đối với bị cáo. Vì vậy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình.

Bị cáo đã ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Nay là điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015) để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 2015); khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

+ Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là Công an tỉnh L) đã trả lại 01 máy ảnh nhãn hiệu Canon loại IXUS 70 Digital và 180.000.000 đồng tiền Ngân hàng N1 cho ông Phạm Mạnh H1 là chủ sở hữu hợp pháp.

+ Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo, chưa có biển số, ông Phạm Mạnh H1 đồng ý trả 8.700.000 đồng cho ông Đỗ Quang H2 và nhận lại xe, không yêu cầu bồi thường giá trị tài sản còn thiếu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là Công an tỉnh L) đã trả cho ông Phạm Mạnh H1.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Phạm Mạnh H1 không yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Mạnh H1 đã trả số tiền 8.700.000 đồng cho ông Đỗ Quang H2 nên ông Đỗ Quang H2 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn O yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho ông O số tiền 20.000.000 đồng nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo. Buộc bị cáo bồi thường cho ông Nguyễn Văn O số tiền 20.000.000 đồng.

[8] Về các vấn đề khác: Đối với bà Lê Thị Kim L3 và bà Trần Thị L4 do không biết tài sản là do bị cáo trộm cắp được mà có nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Đối với túi xách màu đen của ông Phạm Mạnh H1, sau khi sự việc xảy ra ông Nguyễn Xuân V nhặt được và trả lại cho ông Phạm Mạnh H1, do túi xách có giá trị thấp, ông Phạm Mạnh H1 không yêu cầu định giá tài sản nên không đề cập xử lý.

[9] Hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy bị cáo không có tài sản nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là điểm a khoản 3 Điều

173; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025).

1. Xử phạt: Vũ Ngọc H 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/01/2026.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tuyên chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là Công an tỉnh L) đã trả lại 01 máy ảnh nhãn hiệu Canon loại IXUS 70 Digital và 180.000.000 đồng cho ông Phạm Mạnh H1 là chủ sở hữu hợp pháp.

+ Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo, chưa có biển số, ông Phạm Mạnh H1 đồng ý trả 8.700.000 đồng cho ông Đỗ Quang H2 và nhận lại xe, không yêu cầu bồi thường giá trị tài sản còn thiếu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là Công an tỉnh L) đã trả cho ông Phạm Mạnh H1.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Phạm Mạnh H1 không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Mạnh H1 đã trả số tiền 8.700.000 đồng cho ông Đỗ Quang H2 nên ông Đỗ Quang H2 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Buộc bị cáo Vũ Ngọc H có trách nhiệm bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn O số tiền 20.000.000 đồng.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS; áp dụng Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Vũ Ngọc H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
 - VKSND tỉnh Lâm Đồng;
 - Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
 - VKSND khu vực 8 – Lâm Đồng;
 - CQCSĐTCA tỉnh Lâm Đồng;
 - Cơ quan THAHS CA tỉnh Lâm Đồng;
 - Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Lâm Đồng;
 - THADS tỉnh Lâm Đồng
 - Bị cáo;
 - Bị hại;
 - Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Bá Luân